

CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC (1965 - 1973)

Trong thời kì cả nước có chiến tranh, nhân dân ta ở hai miền Nam - Bắc cùng chiến đấu đánh bại hai chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hoá chiến tranh".

Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất, làm nhiệm vụ hậu phương chi viện cho tiền tuyến miền Nam và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

I - CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA MĨ (1965 - 1968)

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" - được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân đồng minh và quân đội Sài Gòn - lúc cao nhất (vào năm 1969) lên gần 1,5 triệu quân.

Dựa vào ưu thế quân sự, với quân số đông, vũ khí hiện đại, hoà lực mạnh, Mĩ vừa mới vào miền Nam đã cho quân mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Tiếp đó, Mĩ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô⁽¹⁾: đông - xuân 1965 - 1966 và 1966 - 1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định".

– Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam có điểm gì giống và khác nhau ?

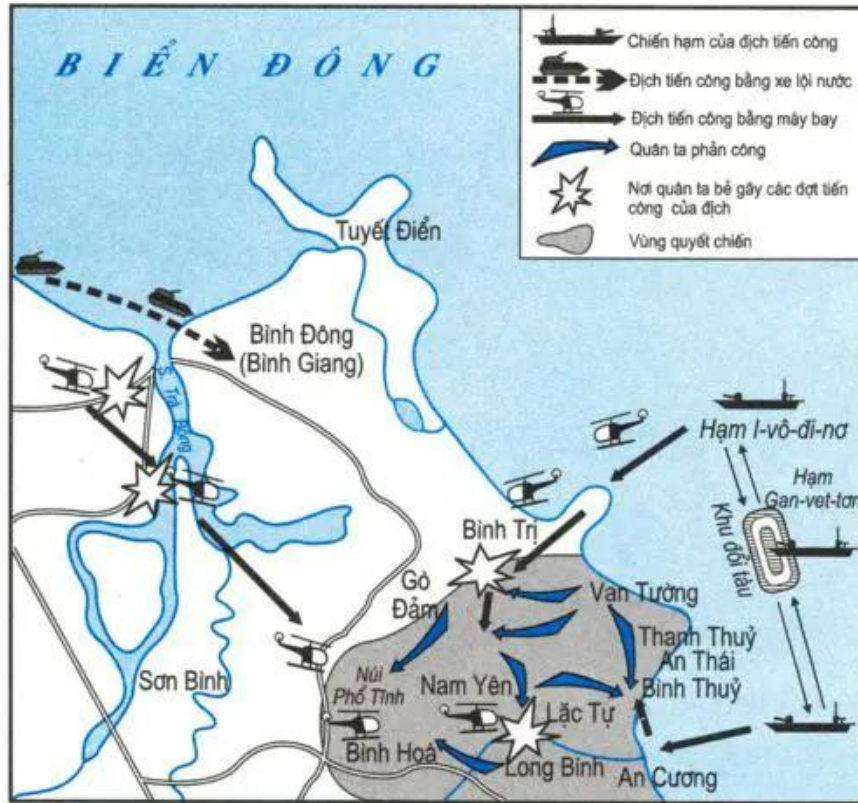
2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

Nhân dân ta vẫn giành được thắng lợi bằng sức mạnh của cả dân tộc, của tiền tuyến và hậu phương cùng với ý chí "quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược". Mở đầu là thắng lợi ở Vạn Tường (Quảng Ngãi).

Mở sáng 18 - 8 - 1965, Mĩ huy động 9 000 quân, 105 xe tăng và xe bọc thép, 100 máy bay lên thẳng và 70 máy bay phản lực chiến đấu, 6 tàu chiến, mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường.

(1) Khí hậu miền Nam có hai mùa trong năm : mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau (theo dương lịch).

Sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.



Hình 65. Lược đồ trận Vạn Tường (8 - 1965)

Vạn Tường đã mở đầu cao trào “Tim Mì mà đánh, lũng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam.

Sau trận Vạn Tường, khả năng chiến thắng Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của quân dân ta tiếp tục được chứng minh trong hai mùa khô.

Bước vào mùa khô thứ nhất (đông - xuân 1965 - 1966), với 720 000 quân (trong đó có 220 000 quân Mĩ), địch mở đợt phản công với 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn nhằm vào hai hướng chiến lược chính ở Đông Nam Bộ và Khu V, với mục tiêu đánh bại chủ lực quân giải phóng.

Bước vào mùa khô thứ hai (đông - xuân 1966 - 1967), với lực lượng được tăng lên hơn 980 000 quân (riêng quân Mĩ và đồng minh chiếm hơn 440 000), Mĩ mở đợt phản công với ba cuộc hành quân lớn “tìm diệt” và “bình định”, lớn nhất là

cuộc hành quân Gian-xon Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.



Hình 66. Nhân dân Mi biểu tình phản đối chiến tranh ở Việt Nam, đòi quân Mi rút về nước (10 - 1967)

Kết quả sau hai mùa khô, trên toàn miền Nam, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 240 000 tên địch, bắn rơi và phá huỷ hơn 2 700 máy bay, phá huỷ hơn 2 200 xe tăng và xe bọc thép, hơn 3 400 ô tô.

Ở hầu khắp các vùng nông thôn, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã đứng lên đấu tranh chống ách kim kẹp của địch, phá từng mảng “ấp chiến lược”. Trong hầu khắp các thành thị, giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, binh sĩ Sài Gòn... đấu tranh đòi Mi rút về nước, đòi tự do dân chủ. Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.



Hình 67. Đội quân tóc dài đấu tranh đòi đế quốc Mĩ rút khỏi miền Nam Việt Nam

Đến cuối năm 1967, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã có cơ quan thường trực ở các nước xã hội chủ nghĩa và ở một số nước khác. Cương lĩnh của Mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế và 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

- *Quân dân ta ở miền Nam đã giành được những thắng lợi nào trong những năm đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965 - 1967) ?*

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968)

Bước vào xuân 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn trong năm bầu cử tổng thống ở Mĩ (1968), ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam mà trọng tâm là các đô thị nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mĩ phải đàm phán và rút quân về nước.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 - rạng sáng 31 - 1 - 1968 (Tết Mậu Thân).

Quân dân ta ở miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở 37 trong tổng số 44 tỉnh, 4 trong số 6 đô thị lớn, 64 trong số 242 quận lỵ, ở hầu khắp các "ấp chiến lược", các vùng nông thôn.

Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công đến tận các vị trí đầu não của địch như toà Đại sứ Mi, Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất...

Mặc dù có những tổn thất do thiếu sót trong chỉ đạo, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy có ý nghĩa to lớn, làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mi, buộc Mi phải tuyên bố “phi Mi hoá” chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”), chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

– *Hãy trình bày diễn biến và ý nghĩa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).*

II - MIỀN BẮC VÀ CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA MĨ, VÀ SẢN XUẤT (1965 - 1968)

1. Mi tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, Mi mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.

Ngày 5 - 8 - 1964, sau khi dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, Mi cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi ở miền Bắc như cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vinh - Bến Thủy (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hoá), thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh).



Hình 68. Đơn vị hải quân chiến đấu bắn máy bay Mi ngày 5 - 8 - 1964

Ngày 7 - 2 - 1965, lấy cớ “trả đũa” việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plây-ku, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá thị xã Đông Hới (Quảng Bình), đảo Côn Cò (Vĩnh Linh - Quảng Trị)..., chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

Không quân và hải quân Mĩ tập trung ném bom các mục tiêu quân sự, các đầu mối giao thông, các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, các công trình thuỷ lợi, các khu đông dân... Chúng ném bom cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng, đền, chùa và nhà thờ.

- Để quốc Mĩ đánh phá miền Bắc nước ta như thế nào ?

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất

Ngay từ ngày đầu Mĩ mở rộng chiến tranh, miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hoá toàn dân, đào đắp công sự chiến đấu, hầm hào phòng tránh ; triệt để sơ tán, phân tán những nơi đông dân để tránh thiệt hại về người và của.

Trong điều kiện chiến tranh phá hoại, ta chủ trương đẩy mạnh kinh tế địa phương, chú trọng phát triển nông nghiệp. Xây dựng kinh tế thời chiến theo hướng đó sẽ hạn chế được sự tàn phá của chiến tranh, tăng khả năng đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến đấu tại chỗ và đời sống của nhân dân từng địa phương.



Hình 69. Tư vệ vùng mỏ Quảng Ninh phối hợp chiến đấu với bộ đội bắn máy bay Mĩ

Trên toàn miền Bắc dấy lên phong trào thi đua chống Mĩ, cứu nước, thể hiện sáng ngời chân lí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Trong hơn bốn năm (từ ngày 5 - 8 - 1964 đến ngày 1 - 11 - 1968), miền Bắc bắn rơi, phá huỷ 3 243 máy bay, trong đó có 6 máy bay B52, 3 máy bay F111 ; loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn phi công ; bắn cháy và bắn chìm 143 tàu chiến. Ngày 1 - 11 - 1968, Mĩ tuyên bố ngừng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Trên mặt trận sản xuất, miền Bắc cũng lập được những thành tích quan trọng.

Về nông nghiệp, diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, ngày càng có nhiều hợp tác xã, nhiều địa phương đạt “Ba mục tiêu” (5 tấn thóc, 2 đầu lợn, 1 lao động trên 1 hécta diện tích gieo trồng trong 1 năm). Năm 1965, miền Bắc có 7 huyện, 640 hợp tác xã đạt mục tiêu 5 tấn thóc trên 1 hécta trong hai vụ, đến năm 1967 tăng lên 30 huyện và 2 485 hợp tác xã.

Về công nghiệp, năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững. Các cơ sở công nghiệp lớn đã kịp thời sơ tán, phân tán, sớm đi vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu thiết yếu nhất cho chiến đấu và đời sống. Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng phát triển. Mỗi tỉnh trở thành một đơn vị kinh tế tương đối hoàn chỉnh.

Giao thông vận tải là một trong những trọng điểm bắn phá ác liệt của địch, nhưng ta vẫn bảo đảm giao thông thông suốt, đáp ứng được yêu cầu phục vụ chiến đấu, sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

– *Miền Bắc đạt được những thành tích gì trong việc thực hiện nhiệm vụ vừa chiến đấu vừa sản xuất ?*

3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

Là hậu phương lớn của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, miền Bắc luôn hướng về miền Nam. Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu “*Mỗi người làm việc bằng hai*”. Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đáp lại “*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*”.

Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc theo dãy Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển) bắt đầu khai thông từ tháng 5 - 1959, đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.

Nhờ hai tuyến đường vận chuyển chiến lược trên, qua 4 năm (1965 - 1968), miền Bắc đã đưa hơn 300 000 cán bộ, bộ đội vào Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng ; gửi vào miền Nam

hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dụng khác. Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào miền Nam sau bốn năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.



Hình 70. Những thửa ruộng vì miền Nam của nông dân xã Hoà Lạc (Kim Sơn, Ninh Bình)

– Hậu phương miền Bắc đã chi viện những gì và bằng cách nào cho tiền tuyến miền Nam đánh Mi ?

III - CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH" VÀ "ĐÔNG DƯƠNG HOÁ CHIẾN TRANH" CỦA MỸ (1969 - 1973)

1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mỹ

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mỹ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện chiến lược "Đông Dương hoá chiến tranh".

Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoà lực và không quân Mỹ và vẫn do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự.

Quân đội Sài Gòn còn được Mi sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương trong các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Cam-pu-chia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971), thực hiện âm mưu “Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

– *Mi thực hiện âm mưu và thủ đoạn gì trong việc tiến hành chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 - 1973) ?*

2. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” và “Đông Dương hoá chiến tranh” của Mi

Sự ra đời của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ngày 6 - 6 - 1969 là thắng lợi chính trị mở đầu giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Vừa ra đời, Chính phủ Cách mạng lâm thời đã được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mi, cứu nước của nhân dân ta ở hai miền và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đang trên đà thắng lợi, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời ngày 2 - 9 - 1969. Đó là một tổn thất lớn đối với dân tộc ta và cách mạng nước ta.

Trước khi đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta một bản Di chúc lịch sử. Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta ở hai miền ra sức đẩy mạnh kháng chiến chống Mi, cứu nước.

Trong hai năm 1970 - 1971, nhân dân ta cùng với nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Lào đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự và chính trị.

Trong hai ngày 24 và 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia họp để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu, chống đế quốc Mi mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

Từ ngày 30 - 4 đến ngày 30 - 6 - 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Cam-pu-chia, đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mi và quân đội Sài Gòn, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với 4,5 triệu dân.

Từ ngày 12 - 2 đến ngày 23 - 3 - 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn - 719” nhằm chiếm giữ Đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn quân Mi và quân đội Sài Gòn, quét hết quân Mi - quân đội Sài Gòn khỏi Đường 9 - Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

Thắng lợi trên mặt trận quân sự đã hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị, chống “bình định”.

Ở khắp các thành thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân diễn ra liên tục. Đặc biệt ở Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, phong trào học sinh, sinh viên rầm rộ đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia.

Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị, đều có phong trào của quần chúng nổi dậy chống “bình định”, phá “áp chiến lược” của địch.

– Nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia đã giành được những thắng lợi chung nào trên các mặt trận quân sự và chính trị trong chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 - 1973) ?

3. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972

Bước vào năm 1972, từ ngày 30 - 3 quân ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam, kéo dài trong năm 1972.

Quân ta tiến công địch với cường độ mạnh, quy mô lớn, trên hầu khắp các địa bàn chiến lược quan trọng. Chỉ trong thời gian ngắn (đến cuối tháng 6 - 1972), quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn địch, giải phóng những vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, buộc Mi tuyên bố “Mi hoá” trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

– Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã diễn ra như thế nào ? Ý nghĩa lịch sử của cuộc tiến công đó ?

IV - MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HOÁ, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA MĨ (1969 - 1973)

1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá

Trên khắp miền Bắc dấy lên phong trào thi đua học tập, công tác, lao động sản xuất, nhằm trước hết khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá.

Về nông nghiệp, ta có một số chủ trương khuyến khích sản xuất. Chăn nuôi được đưa lên thành ngành chính. Các hợp tác xã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật

và nhiều biện pháp thâm canh tăng vụ. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn thóc, một số hợp tác xã đạt từ 6 đến 7 tấn thóc trên 1 hecta gieo trồng. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.

Về công nghiệp, nhiều cơ sở công nghiệp trung ương và địa phương bị tàn phá được khôi phục nhanh chóng. Nhiều công trình đang làm dở được ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp, đưa vào hoạt động. Nhà máy thủy điện Thác Bà (Yên Bái) là nhà máy thủy điện đầu tiên của ta được gấp rút hoàn thành và bắt đầu phát điện từ tháng 10 - 1971. Một số ngành công nghiệp quan trọng như điện, than, cơ khí, vật liệu xây dựng... đều có bước phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1971 tăng 142% so với năm 1968.

Hệ thống *giao thông vận tải*, nhất là các tuyến giao thông chiến lược, bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục.

Văn hoá, giáo dục, y tế cũng nhanh chóng được khôi phục và phát triển. Đời sống nhân dân ổn định. Một số khó khăn do sai lầm khuyết điểm của ta trong chỉ đạo, quản lý kinh tế và xã hội bước đầu được khắc phục.

– *Miền Bắc đạt được những thành tựu gì trong việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá ?*

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương

Ngày 6 - 4 - 1972, Mi cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi từ Thanh Hoá vào Quảng Bình. Ngày 16 - 4 - 1972, Ních-xon (Nixon) tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai) ; đến ngày 9 - 5 - 1972, tuyên bố phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc nước ta.

Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu, miền Bắc đã có thể chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu.

Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, các hoạt động sản xuất, xây dựng ở miền Bắc vẫn không bị ngừng trệ, giao thông vận tải bảo đảm thông suốt, các mặt hoạt động khác như văn hoá, giáo dục, y tế được duy trì và phát triển.

Gần hai tháng sau khi tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, ngày 14 - 12 - 1972, Ních-xon phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng, bắt đầu từ chiều tối 18 đến hết ngày 29 - 12 - 1972.

Quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn địch đáng từ trận đấu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích bằng không quân của Mi, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”.

“Điện Biên Phủ trên không” là trận thắng quyết định của ta, đã buộc Mi phải trở lại Hội nghị Pa-ri và kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam (27 - 1 - 1973).

– *Quân dân miền Bắc đã giành được những thắng lợi gì trong trận chiến đấu chống cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 cuối năm 1972 của Mi ?*

V - HIỆP ĐỊNH PA-RI NĂM 1973 VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH Ở VIỆT NAM

Cuộc thương lượng chính thức tại Pa-ri, họp ngày 13 - 5 - 1968 giữa hai bên - đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Hoa Kỳ ; và từ ngày 25 - 1 - 1969, giữa bốn bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam), Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hoà (Chính quyền Sài Gòn).

Lập trường bốn bên, mà thực chất là hai bên Việt Nam và Hoa Kỳ, rất xa nhau, mâu thuẫn nhau, khiến cho cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt trên bàn thương lượng.

Lập trường của phía Việt Nam là đòi rút hết quân Mi và quân đồng minh khỏi miền Nam, đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Lập trường của phía Mi thì ngược lại, đòi quân đội miền Bắc cũng phải rút khỏi miền Nam, từ chối kí dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra (10 - 1972), để mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội - Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, với ý đồ buộc phía Việt Nam kí dự thảo Hiệp định do Mi đưa ra.

Nhưng Mi đã thất bại trong cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 và buộc phải trở lại kí dự thảo Hiệp định Pa-ri do ta đưa ra trước đó.

Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí chính thức ngày 27 - 1 - 1973 giữa bốn Bộ trưởng đại diện cho các chính phủ tham dự Hội nghị tại Pa-ri và bắt đầu có hiệu lực từ ngày kí chính thức.

Nội dung Hiệp định bao gồm những điều khoản cơ bản sau :

– Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân đồng minh, huỷ bỏ các căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.
- Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.
- Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.
- Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.
- Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (được Hội nghị 12 nước họp ngày 2 - 3 - 1973 tại Pa-ri công nhận về mặt pháp lý quốc tế) là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước. Với Hiệp định Pa-ri, Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- *Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí kết trong hoàn cảnh như thế nào ?*
- *Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965 - 1968) và chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" (1969 - 1973) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam có điểm gì giống và khác nhau ?
2. Đế quốc Mỹ đã dùng những thủ đoạn gì nhằm phá vỡ liên minh đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia từ năm 1969 đến năm 1973 ? Kết quả ra sao ?
3. Lập bảng niên đại và sự kiện về thắng lợi chung của nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia trên các mặt trận quân sự và chính trị từ năm 1969 đến năm 1973.